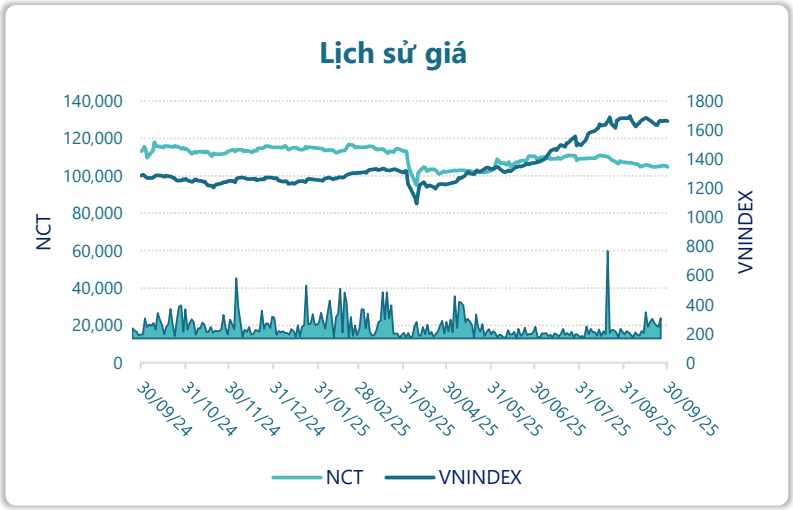
FireAnt

CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (HSX: NCT)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**104,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	118,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	95,000
SL cổ phiếu LH	26,165,732
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,465
% sở hữu nước ngoài	15.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,740
P/E	8.0
EPS	13,047

DT thuần

Q3/25

318

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 38.0| 13.4%

YoY: ▲ 79.0| 32.9%

LN sau thuế

Q3/25

114

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.6| 33.9%

YoY: ▲ 38.5| 51.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

42.9%

+/- YoY: ▲ 5.0%

DT thuần

9T 2025

839

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 196| 30.5%

LN sau thuế

9T 2025

264

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 75.0| 39.5%

ROE

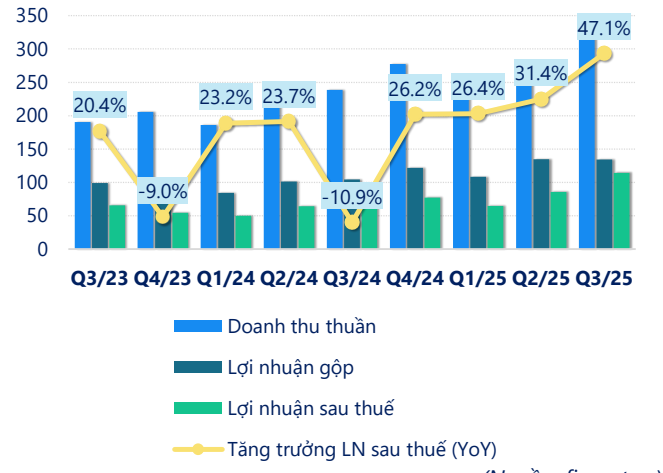
Q3/25

53.4%

+/- YoY: ▲ 1.5%

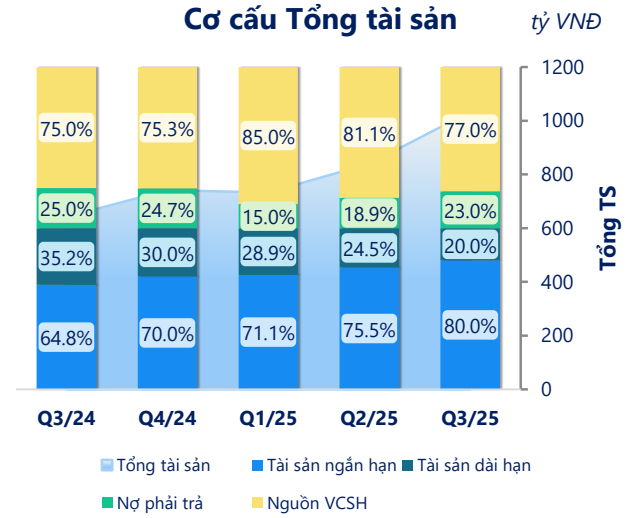
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



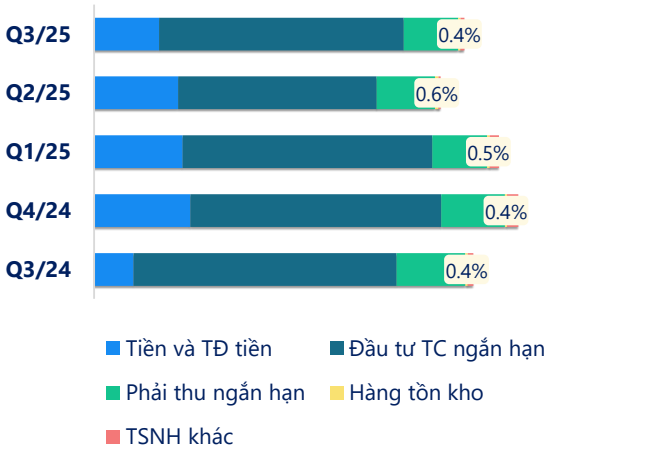
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



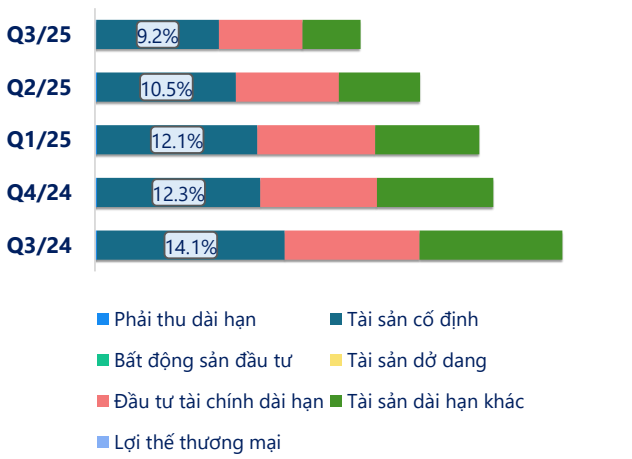
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



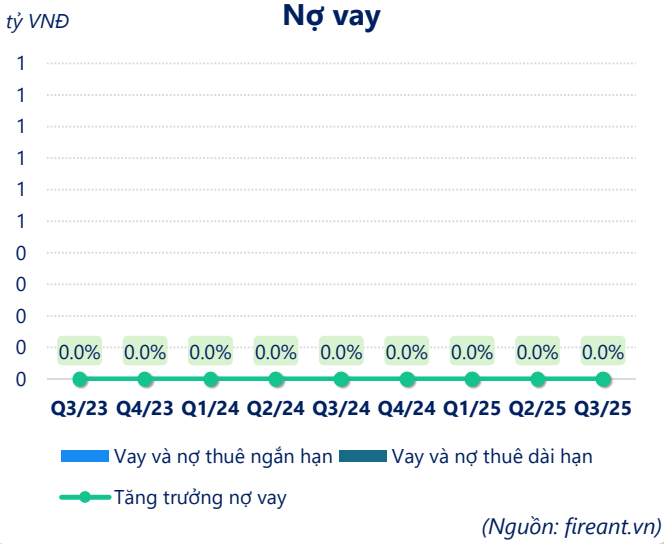
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



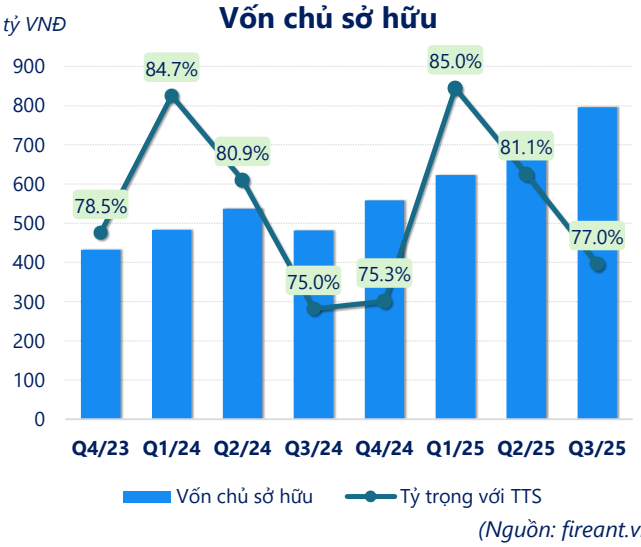
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



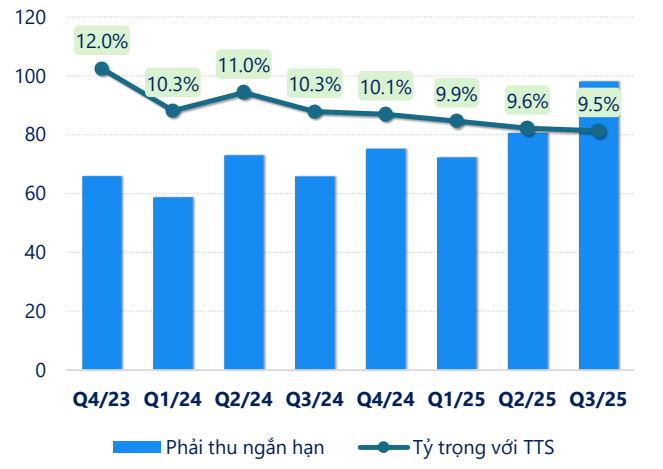
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



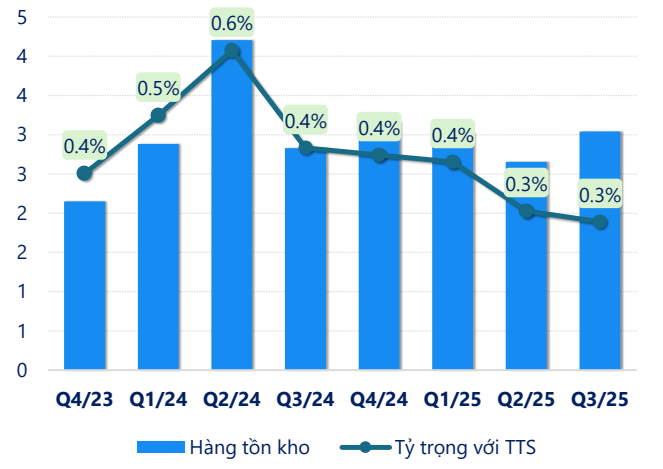
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



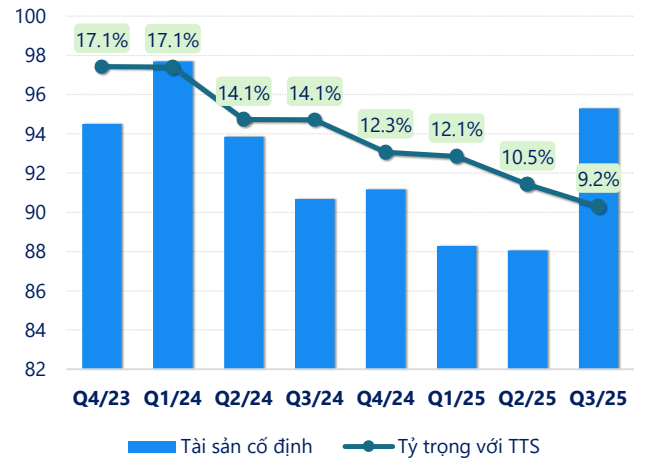
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



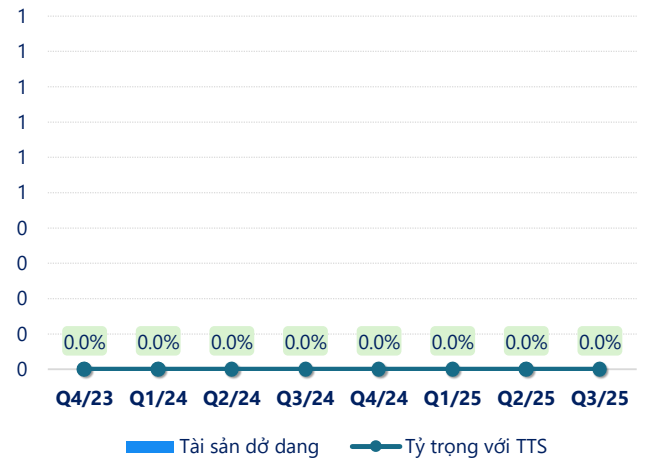
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



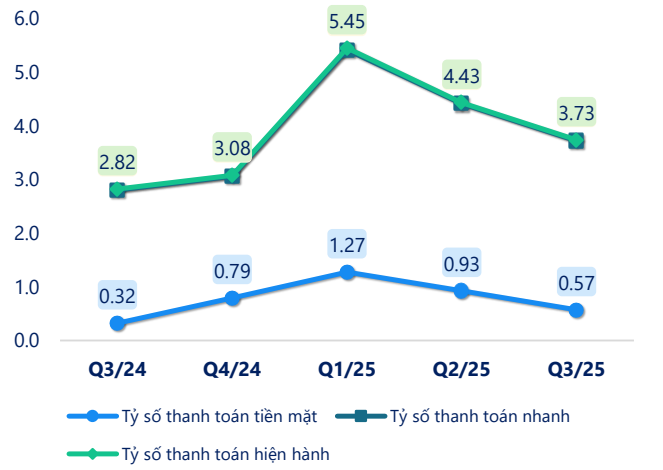
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



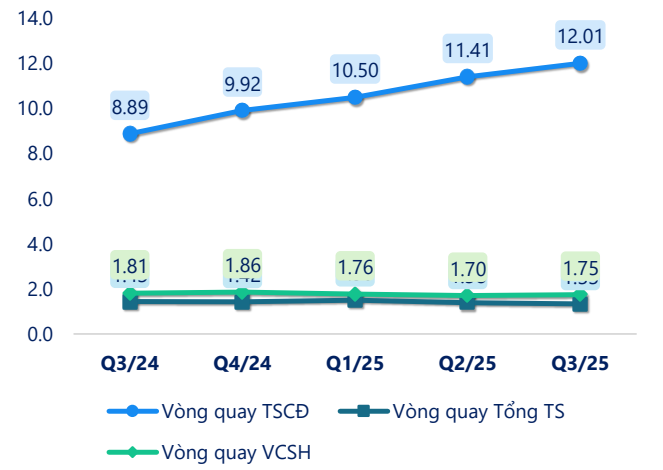
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**642**	**741**	**733**	**841**	**1,033**
Tài sản ngắn hạn	**416**	**519**	**521**	**635**	**827**
Tiền và tương đương tiền	47.6	134	122	133	126
Đầu tư tài chính ngắn hạn	295	306	318	416	597
Phải thu ngắn hạn	65.8	75.2	72.3	80.6	98.1
Hàng tồn kho	2.83	3.16	3.02	2.65	3.04
Tài sản ngắn hạn khác	4.54	0.38	6.10	2.98	3.06
Tài sản dài hạn	**226**	**222**	**212**	**206**	**206**
Phải thu dài hạn	0.93	1.07	1.15	1.15	1.15
Tài sản cố định	90.7	91.2	88.3	88.1	95.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	65.0	65.0	65.0	65.0	65.0
Tài sản dài hạn khác	68.9	64.8	57.3	51.4	45.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**160**	**183**	**110**	**159**	**237**
Nợ ngắn hạn	**147**	**169**	**95.6**	**143**	**221**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	19.9	29.0	15.8	14.7	27.8
Nợ dài hạn	12.9	14.1	14.2	15.4	15.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**481**	**558**	**623**	**682**	**796**
Vốn chủ sở hữu	**481**	**558**	**623**	**682**	**796**
Vốn điều lệ	262	262	262	262	262
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)